TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63**/2023/DS-ST
Ngày: 04/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆNT, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thưởng.

2. Ông Nguyễn Hoàng Trung.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan Thị A** sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A: Bà **Vương Tuyết C** sinh năm 1972 (theo văn bản ủy quyền ngày 10/3/2023, có mặt).

Địa chỉ: Ấp HB, xã BN, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ánh B** sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã TL, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Vương Ánh K** sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 115/4 đường tỉnh 862, khu phố 2, Phường Z, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- Bà **Vương Tuyết C** sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp HB, xã BN, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị A là bà Vương Tuyết C trình bày*:

Vào ngày 02/7/2021 bà A và bà Nguyễn Thị Ánh B có đến phòng Công chứng số 2, thị xã Gò Công để làm Hợp đồng vay tiền. Nội dung là bà A cho bà Ánh B vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay, lãi suất cho vay là 1,5%/tháng, trả lãi hàng tháng. Tiền gốc sẽ thanh toán 01 lần khi hết hạn hợp đồng. Sau đó bà A có đưa tiền và bà Ánh B có viết giấy nhận tiền ngày 02/7/2021. Tuy thỏa thuận như vậy nhưng do tình hình dich bệnh Covid-19 nên bà Ánh B không trả lãi cho bà A khoảng 06 tháng 15 ngày. Đến tháng 01/2022 thì bà Ánh B có làm giấy nợ lãi của bà Ánh B và con gái là chị Vương Ánh K nợ bà A 106.275.000 đồng nhưng bà A chỉ lấy 90.000.000 đồng vì thế tờ giấy ghi nợ lãi là 90.000.000 đồng (trong đó lãi của bà B là 54.900.000 đồng và lãi của chị K là 35.100.000 đồng), tuy làm giấy nợ nhưng không ai trả tiền cho bà A. Từ ngày 17/01/2022 đến ngày 16/09/2022 nợ lãi là 84.000.000 đồng nhưng bà Ánh B chỉ trả cho bà A 73.200.000 đồng còn lại 10.800.000 đồng và bà A hứa sẽ cho bà Ánh B nên bà A không yêu cầu số tiền 10.800.000 đồng này. Từ tháng 10/2022 cho đến nay, bà Ánh B không trả tiền lãi cho bà A. Bà A đã nhiều lần yêu cầu bà B trả nợ nhưng bà B cố tính lẫn tránh không trả nợ cho bà A.

Nay bà A yêu cầu bà Ánh B trả số tiền vốn là 700.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính với mức lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 02/7/2021 đến ngày 17/01/2022 là 54.900.000 đồng và từ 10/2022 đến ngày hôm nay là 94.500.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn, lãi là 849.400.000 đồng, trả làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Sau ngày hôm nay cho đến khi án có hiệu lực pháp luật, bà A không yêu cầu tính lãi.

***** *Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ánh B trình bày:*

Bà đồng ý với ý kiến của bà C về quá trình vay và lãi suất. Bà thừa nhận có vay tiền của bà A 700.000.000 đồng, do bà đã đóng lãi nhiều cho bà A cũng như hoàn cảnh gia đình bà khó khăn, hiện tại bà đã cao tuổi không lao động được nên bà xin không trả lãi. Bà xin chỉ trả số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng, xin trả dần hàng tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Số tiền vay này là của cá nhân bà, không liên quan gì đến con gái bà là chị Vương Ánh K.

***** *Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Vương Tuyết C trình bày*:

Bà thống nhất với ý kiến của bà A.

***** *Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Vương Ánh K trình bày*:

Số nợ 700.000.000 đồng là của một mình bà Nguyễn Thị Ánh B và chị yêu cầu được vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc bà Ánh B trả cho bà A số tiền vốn là 700.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày hôm nay là là 94.500.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn, lãi là 849.400.000 đồng, trả làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Miễn án phí cho bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn thừa nhận có việc vay tiền; nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ xã Tân Lập 1, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc vắng mặt đương sự: Chị Vương Ánh K được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị K.

[4] Về số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng: Xét thấy, tại giấy nhận tiền ngày 02/7/2021 và Hợp đồng vay tiền ngày 02/7/2021 đều có thể hiện số tiền vay là 700.000.000 đồng và bà Ánh B đã thừa nhận số tiền vay trên, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn vay tiền là 03 tháng kể từ ngày 02/7/2021 nhưng đến nay bà Ánh B không trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó yêu cầu này của bà A là có căn cứ. Bà Ánh B xin trả dần hàng tháng là 2.000.000 đồng là nhằm kéo dài thời gian trở nợ, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà A và không được bà A đồng ý nên Hội đồng xét xử cần buộc bà Ánh B trả nợ gốc cho bà A là phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[5] Về lãi suất vay: Xét thấy, trong giấy nhận tiền ngày 02/7/2021 và Hợp đồng vay tiền ngày 02/7/2021 đều thể hiện lãi suất là 1,5%/tháng và bà Ánh B đã thừa nhận lãi suất vay này. Do đó Hội đồng xét xử xác định là hợp đồng vay có lãi và lãi suất vay được xác định là 1,5%/tháng, phù hợp với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về số tiền lãi:

Bà A yêu cầu mức lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 02/7/2021 đến ngày 17/01/2022 là 54.900.000 đồng và từ 10/2022 đến ngày hôm nay là 94.500.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bà Ánh B nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì vậy số tiền lãi bà Ánh B phải trả cho bà A là 149.400.000 đồng.

[7] Bà Ánh B xin không trả lãi, xét ý kiến này của bà Ánh B không được bà A đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến này của bà Ánh B.

[8] Về án phí:

Bà Ánh B là người cao tuổi thuộc đối tượng miễn nộp án phí và có đơn đề nghị miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Ánh B.

Bà A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có cơ sở, phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị A.

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh B trả cho bà Phan Thị A số tiền 849.400.000 đồng (*tám trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng*). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị Ánh B.

- Hoàn lại cho bà Phan Thị A 17.680.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003380 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với bà A, bà Ánh B và bà C được tính từ ngày tuyên án; đối với chị K được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thi